

4. Simple present and future time : things may happen as parts of a programme, time-table, or because they have their place in a routine. We use the simple present when we mention future happenings of this kind. Often, there is an adverb or phrase that shows future time in the sentence:

Chúng ta có thể dùng thì hiện tại để chỉ sự việc đó sẽ xảy ra trong tương lai.

Nhưng sự việc đó có thể là những phần của một chương trình, của thời gian biểu vì chúng nằm trong công việc hàng ngày. Thông thường, ta dùng một phó từ hay một cụm từ chỉ thời gian sẽ xảy ra trong tương lai đặt trong câu :

e.g The ship gets to Rio tomorrow night.

The ship reaches Rio at 10.30.

My train arrives at Naples at noon, local time.

The plane leaves for Caracas at noon, local time.

John leaves from London in two hours' time.

We can have personal subjects. They do whatever they do and things happen in the future because of the law, the rules, customs, routines that already exist now.

Chúng ta có thể có những vấn đề nó thuộc về cá nhân. Vâng làm tất cả những gì mà họ phải làm xong lại xảy ra trong tương lai là do bởi pháp luật, luật lệ nguyên tắc, tục lệ và công việc hàng ngày phải làm mới tất cả những cái đó bấy giờ vẫn tồn tại.